

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24/4/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích

2. Ông Trần Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 24/4/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX-ST ngày 22/3/2019 Và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐ-ST ngày 08/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Lưu Văn S, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Hiện đang lao động tại Đài loan).

Địa chỉ cụ thể của anh Lưu Văn S ở Đài Loan, chị H không cung cấp được .

Địa chỉ cuối cùng của anh Lưu Văn S ở Việt Nam: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 21/01/2019 Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Lưu Văn S kết hôn ngày 26/11/2012. Trước khi kết hôn chị và anh S được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà chồng làm dâu ở chung cùng gia đình chồng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2012 thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hai người thường xuyên cãi nhau. Tháng 8/2013 thì chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Khoảng tháng

7/2017 thì chị được biết anh S đi lao động ở Đài Loan. Khi sang Đài Loan thì anh có gọi điện về cho chị hỏi thăm con. Giữa vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lưu Ngọc L, sinh ngày 25/12/2013. Hiện nay cháu L đang ở với bố và ông bà nội. Ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung trong vụ án này.

Tài sản, Công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H còn trình bày: Chị có xin anh S địa chỉ cụ thể của anh ở Đài Loan để thuận lợi cho việc chị khởi kiện xin ly hôn anh nhưng anh S cố tình giấu không cung cấp địa chỉ cho chị biết nên chị không cung cấp cho Tòa án được. Chị chỉ cung cấp được địa chỉ cuối cùng của anh S ở Việt Nam là tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chị đề nghị Tòa án xác minh và yêu cầu Bố đẻ của anh S là ông Lưu Văn M, sinh năm 1955 và mẹ đẻ là bà Đồng Thị B, sinh năm 1954, cùng trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang cung cấp thông tin và địa chỉ cụ thể của anh S ở Đài Loan cho Tòa án.

Do chị đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh S được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh S.

Bị đơn anh Lưu Văn S hiện đang lao động tại Đài Loan, vắng mặt tại phiên tòa.

Ngày 28/01/2019 và ngày 05/2/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố mẹ đẻ của anh S là ông Lưu Văn M, sinh năm 1955 và bà Đồng Thị B, sinh năm 1954, cùng trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông M, bà B thông báo cho anh S biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Văn S; yêu cầu anh S viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông M bà B cung cấp địa chỉ cụ thể của anh S ở Đài Loan. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc ông M, bà B vẫn giữ nguyên quan điểm là anh S ở Đài Loan vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông bà nhưng ông bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh S ở Đài Loan cho Tòa án vì đây là việc cá nhân của anh S, đồng thời ông bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh S biết để anh S gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh S gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lưu Văn S vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử đã công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H, Biên bản làm việc với bố mẹ đẻ của anh S là ông Lưu Văn M và bà Đồng Thị B và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

-Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lưu Văn S. Về nuôi con chung chị H không yêu cầu giải quyết, cho nên không giải quyết trong vụ án này mà được giải quyết trong vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H.

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố mẹ đẻ của anh S là ông Lưu Văn M và bà Đồng Thị B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông M, bà B thông báo cho anh S biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Văn S; yêu cầu anh S viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông M bà B cung cấp địa chỉ cụ thể của anh S ở Đài Loan. Ông M bà B trình bày anh S vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ 2 mà ông M, bà B vẫn không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn anh Lưu Văn S cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh S biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy Tòa án căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn anh Lưu Văn S theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Lưu Văn S, anh S hiện đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 585/A08 – P5 v/v cung cấp thông tin XNC ngày 05/01/2019 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an), địa chỉ cuối cùng của anh S ở Việt Nam: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ Hôn nhân:

Chị H và anh S kết hôn ngày 26/11/2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày: Sau khi kết hôn chị Hà về nhà chồng làm dâu ở chung cùng gia đình chồng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2012 thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hai người thường xuyên cãi nhau. Tháng 8/2013 thì chị Hà đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Khoảng tháng 7/2017 thì chị được biết anh S đi

lao động ở Đài Loan.

Qua xác minh địa phương thì thấy: Cách đây vài năm thì chị H anh S có mâu thuẫn, mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được nhưng giữa chị H và anh S đã ly thân, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, không còn ở nhà chồng nữa,

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh S.

[4] Về con chung: Chị H anh S có 01 con chung là cháu Lưu Ngọc L, sinh ngày 25/12/2013. Hiện nay cháu L đang ở với bố và cùng gia đình ông bà nội. Ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết mà được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[5] Về tài sản, công nợ: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lưu Văn S.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000159 ngày 18/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

3. Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

4. Anh Lưu Văn S hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.
Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Nguyễn Văn Nhiên